

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH NA

Bản án số : 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH NA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân

1, Bà Nguyễn Thị Thảo Hương

2, Bà Nguyễn Thị Phi Yến

- *Thư ký phiên tòa :* Ông Nguyễn Bá Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020. tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC xét xử công khai vụ án thụ lý số 01/ 2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23 /2020/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm Xuân Hoà (Nay là xóm Phú Lập), xã TX, huyện TC, tỉnh NA.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm XH (Nay là xóm Phú Lập), xã TX, huyện TC, tỉnh NA.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TC, tỉnh NA vào ngày 12 tháng 5 năm 2014. Sau khi kết hôn xong vợ,

chồng về làm ăn sinh sống tại xóm XH, xã TX, huyện TC, tỉnh NA. Cuộc sống chung của hai người hạnh phúc không được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do tính tình vợ chồng sống không hợp nhau. Nay anh xét thấy tình cảm không còn nữa nên nguyện vọng của anh là muốn được ly hôn với chị Trần Thị C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 2 con chung Nguyễn Trần Đức H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2017. Nay ly hôn, nguyện vọng của anh là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị Trần Thị C góp cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về phân chia tài sản: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng anh không nợ gì ai và cũng không ai nợ gì vợ chồng.

Ý kiến của bị đơn chị Trần Thị C.

Chị hoàn toàn thừa nhận điều kiện kết hôn của vợ chồng đúng như anh Nguyễn Văn Đ đã trình bày. Sau khi kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TC, tỉnh NA xong vợ chồng chị về chung sống với nhau hạnh phúc cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị là có xảy ra, nhưng chưa đến mức trầm trọng như anh Đường nêu. Hiện nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng là đang còn nên nguyện vọng của chị là muốn được đoàn tụ để nuôi dạy con.

Về trách nhiệm nuôi con chung: Chị thừa nhận vợ chồng chị có 2 con chung Nguyễn Trần Đức H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2017. Nếu như ly hôn, nguyện vọng của chị là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Trần Đức H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2017 và yêu cầu anh Đường góp cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng.

Về phân chia tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng chị không nợ gì ai và cũng không ai nợ gì vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý giải quyết cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án hoàn toàn tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử về tình cảm: anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị C.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Trần Đức H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn

Văn B, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2017 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp Hôn nhân gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Cho nên việc thụ lý, giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh NA.

[2] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị C là hôn nhân hợp pháp. Hai bên kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TC, tỉnh NA vào ngày 12 tháng 5 năm 2014 theo quy định. Sau khi kết hôn xong cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau. Nay anh Nguyễn Văn Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên nguyện vọng được ly hôn với chị Trần Thị C. Còn chị Trần Thị C cho rằng vợ chồng đang còn tình cảm nên có nguyện vọng được đoàn tụ. Xét thấy mặc dù chị Trần Thị C cho rằng đang còn tình cảm, muốn được đoàn tụ nhưng hiện nay anh Nguyễn Văn Đ cương quyết xin ly hôn, bản thân chị không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. cho nên nếu kéo dài cuộc hôn nhân này chỉ mang tính hình thức, chứ mục đích hôn nhân sẽ không đạt được. Việc giải quyết cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị C được ly hôn nhau là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật

Về trách nhiệm nuôi con: Hai bên thống nhất vợ chồng có 2 con chung Nguyễn Đức Trần Huy, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2017. Nay ly hôn cả hai đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Xét nguyện vọng của chị Trần Thị C và anh Nguyễn Văn Đ là chính đáng. Nhưng việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét về sự phát triển về mọi mặt của các cháu. Nếu giao cả 2 con cho một người nuôi dưỡng sẽ gây khó khăn về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu. Cho nên cần giao cháu Nguyễn Trần Đức H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2017 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp.

Về phân chia tài sản chung: Hai bên không ai có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về ý kiến phát biểu của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh NA tại phiên tòa. Xét thấy việc tuân theo quy định pháp luật và các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Trần Thị C

Về trách nhiệm nuôi con: Giao cháu Nguyễn Trần Đức H, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2017 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về chia tài sản chung và nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005775 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh NA. Anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh NA
- VKS huyện TC
- Chi cục THA dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Các đương sự.*
- *UBND xã TG*
- *Lưu HS, VP.*

Thái Trường Giang